

BẢN TIN DỰ BÁO VỤ
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC
PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN LƯU VỰC
SÔNG LỮY - SÔNG LA NGÀ TỈNH BÌNH THUẬN NĂM 2018
(Phục vụ sản xuất vụ Đông Xuân đến ngày 31/03/2018)

1. KIỂM KÊ THỰC TRẠNG NGUỒN NƯỚC TRÊN HỆ THỐNG CÔNG
TRÌNH THỦY LỢI TỈNH BÌNH THUẬN

1.1. Diễn biến nguồn nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận từ ngày 01/11/2017
đến 26/11/2017

a. Diễn biến nguồn nước mưa:

Do ảnh hưởng của cơn bão số 12 khu vực tỉnh Bình Thuận có mưa nhiều nơi, có nơi mưa vừa đến mưa to. Lượng mưa tháng qua nhiều nơi phổ biến cao hơn đến xấp xỉ trung bình nhiều năm (TBNN) cùng thời kỳ (CTK), cụ thể như sau:

- Khu vực phía Nam và Tây Nam phổ biến từ: 200 - 410mm đạt mức thấp hơn TBNN: 100-210mm, với 17 - 22 ngày mưa.

- Khu vực trung tâm tỉnh và thành phố Phan thiết phổ biến từ: 150 - 250mm, đạt mức thấp hơn đến xấp xỉ TBNN - CTK; riêng Khê Gà - Hàm Thuận Nam: 150mm thấp hơn TBNN: 96mm, Mũi Né-Phan Thiết: 82mm thấp hơn TBNN 44mm, Ma Lâm – Hàm Thuận Bắc: 111mm thấp hơn TBNN 41mm, với 11 - 16 ngày mưa.

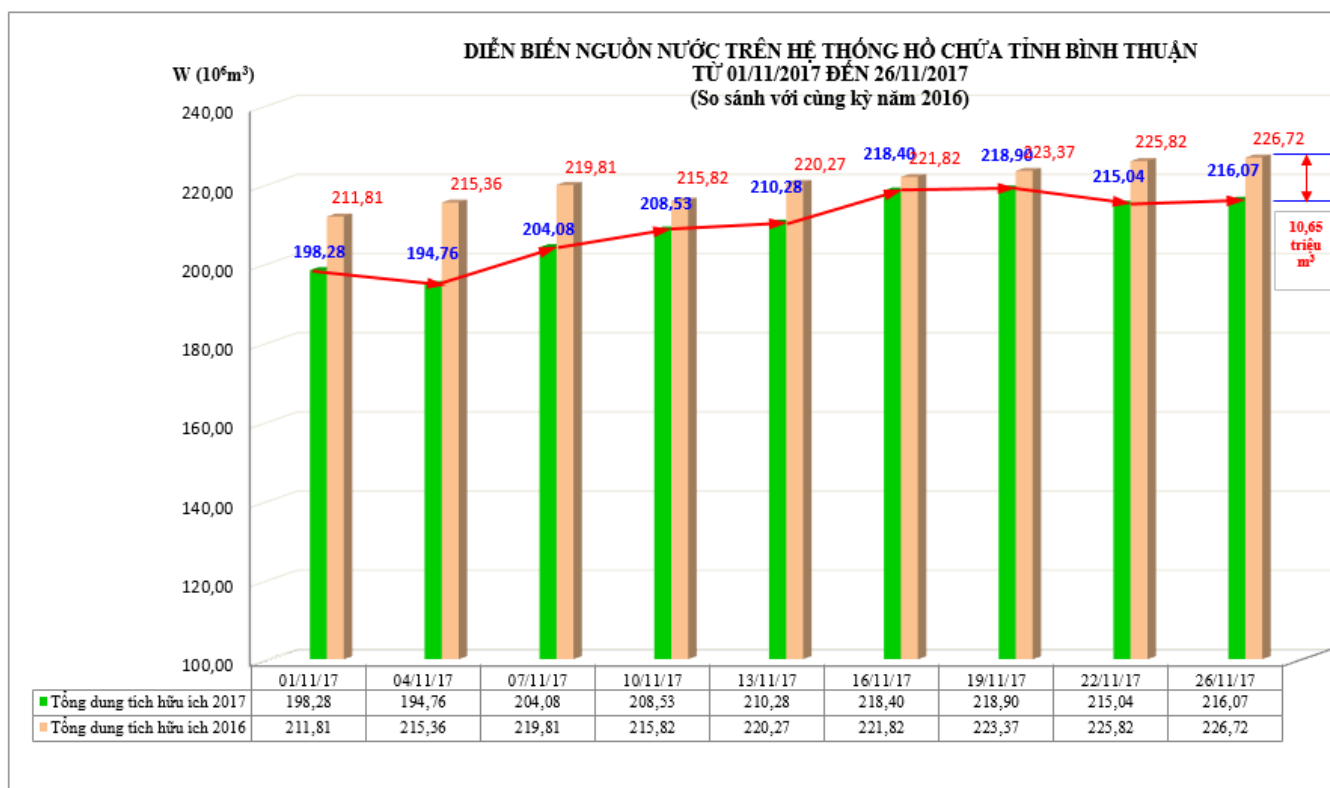
- Khu vực phía Bắc phổ biến từ: 100 - 250mm, đạt mức cao hơn TBNN: 50 - 110mm, với 7 - 13 ngày mưa.

b. Diễn biến nguồn nước trong các hồ/đập công trình thủy lợi:

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Bình Thuận vẫn còn đang ở vào mùa mưa, nhiều nơi xuất hiện mưa rải rác, lượng mưa từ trung bình đến to, cùng với lượng nước được tích trữ lại từ vụ Mùa nên đến thời điểm này (26/11/2017) lượng nước tích trữ trong các hồ chứa trên địa bàn tỉnh Bình Thuận vẫn ở mức khá (>80% dung tích thiết kế của các hồ), đa số hồ đều có nhiều nước (> 90% dung tích thiết kế). Chỉ còn một vài hồ lượng nước trữ còn ít như: hồ Suối Đá (55,6%), hồ Cẩm Hang (29,39%), hồ Sông Dinh 3 (3,8%) và đập Sông Phan (64,6%).

Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi tỉnh Bình Thuận từ ngày 01/11/2017 đến 26/11/2017 cho thấy tổng dung tích các hồ chứa có xu hướng tăng (17,79

triệu m³) do có lượng nước trong và ngoại tỉnh về bổ sung cho các hồ chứa và đập dâng. Kết quả kiểm đếm nguồn nước cho thấy: Tổng dung tích hữu ích hiện tại của các hồ/đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 26/11/2017 đạt 216,07 triệu m³, thấp hơn 10,65 triệu m³ so với cùng kỳ năm 2016 (226,72 triệu m³). Xem Hình 1.



Hình 1: Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi tỉnh Bình Thuận từ 01/11/2017 đến 26/11/2017 và so sánh với cùng kỳ năm 2016

1.2. Kiểm kê thực trạng nguồn nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 26/11/2017.

1.2.1. Nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi.

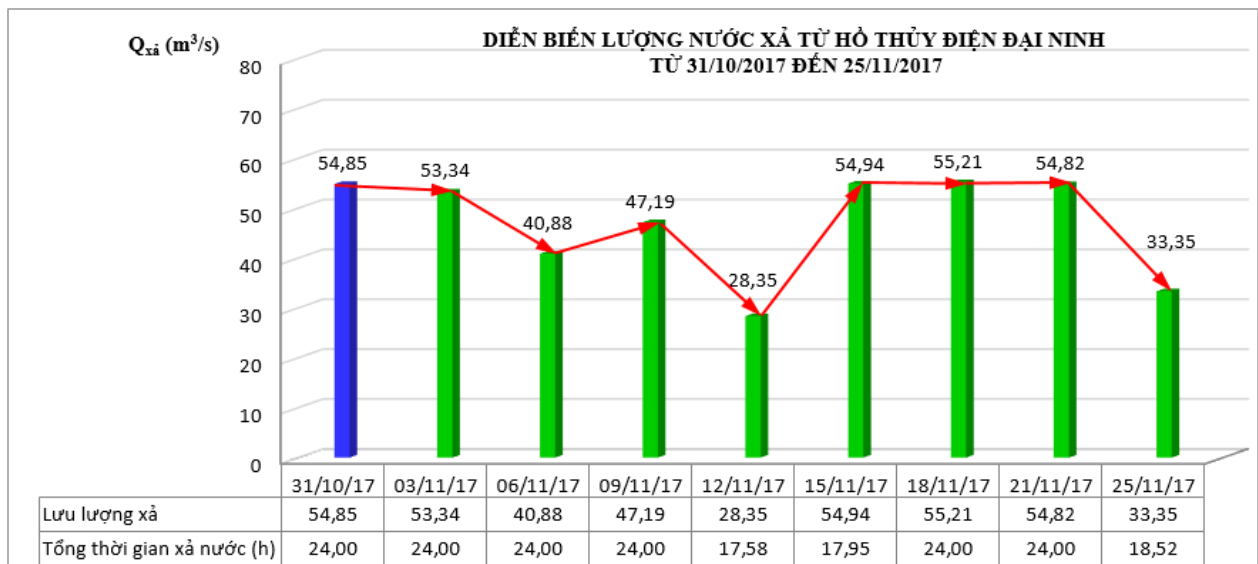
Tính đến ngày 26/11/2017, tổng dung tích của 17 hồ, đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận là 216,07 triệu m³, đạt 83,30 % so với tổng dung tích hữu ích thiết kế, xem Bảng 1.

Bảng 1: Tổng hợp dung tích các hồ, đập tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 26/11/2017

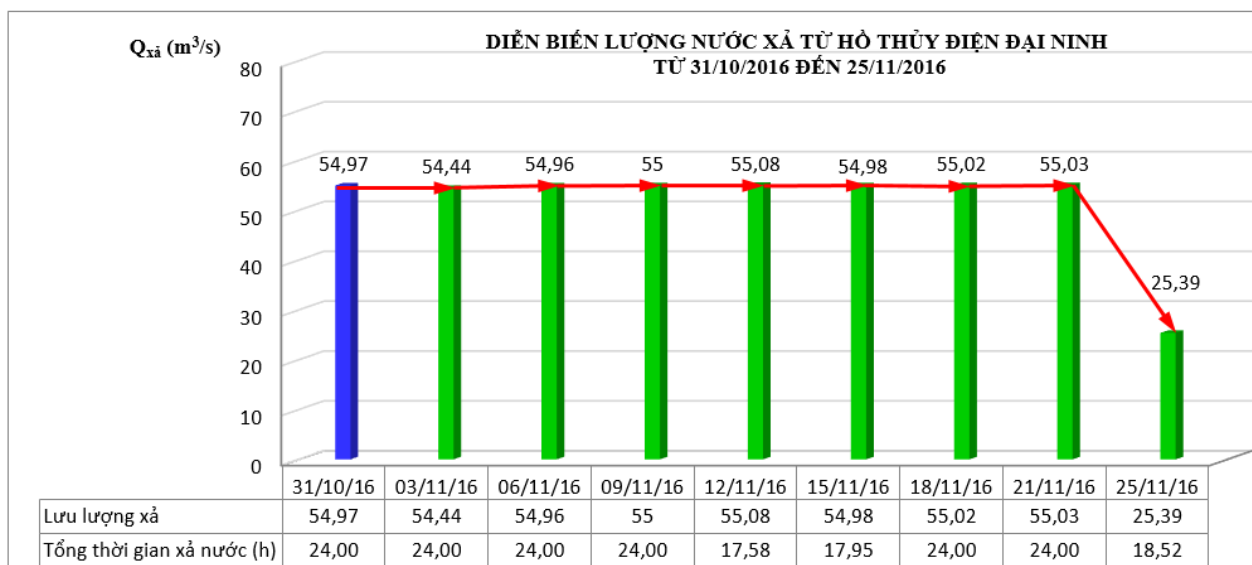
STT	Tên các Hồ chứa/ đập dâng	DUNG TÍCH (10^6 m^3)						Tỷ lệ dung tích hữu ích hiện tại so với thiết kế
		Hiện tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích thiết kế	Hữu ích hiện tại	
1	Đá Bạc	5,326	4,87	9,718	0,392	4,478	4,934	110,18%
2	Lòng Sông	38,277	37,16	40,271	3,464	33,696	34,813	103,31%
3	Cà Giấy	35,361	36,921	63,209	8,409	28,512	26,952	94,53%
4	Sông Khan	1,986	2,014	2,52	0,261	1,753	1,725	98,40%
5	Sông Quao	74,820	73	80	5,7	67,3	69,120	102,70%
6	Suối Đá	5,642	9,131	12,786	1,273	7,858	4,369	55,60%
7	Cầm Hang	0,356	1,18	1,215	0,013	1,167	0,343	29,39%
8	Sông Móng	37,156	37,156	51,515	2,985	34,171	34,171	100,00%
9	Ba Bàu	6,802	6,938	11,403	0,964	5,974	5,838	97,72%
10	Đu Đù	3,448	3,664	5,217	0,297	3,367	3,151	93,58%
11	Tân Lập	1,102	1,07	1,52	0,07	1	1,032	103,20%
12	Tà Mon	0,543	0,657	0,72	0,05	0,607	0,493	81,22%
13	Núi Đất	9,273	8,466	9,648	0,566	7,9	8,707	110,22%
14	Trà Tân	4,007	3,888	8,333	0,403	3,485	3,604	103,41%
15	Sông Phan	2,013	3,022	3,579	0,172	2,85	1,841	64,60%
16	Phan Dũng	14,590	13,674	18,925	1,233	12,441	13,357	107,36%
17	Sông Dinh 3	16,914	58,13	97,138	15,29	42,84	1,624	3,79%
Tổng Cộng		257,616	300,94	417,72	41,54	259,40	216,07	83,30%

1.2.2. Nguồn nước thủy điện

Đến ngày 26/11/2017, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Đại Ninh là 239,98 triệu m^3 /251,73 triệu m^3 , đạt 95,33 % so với dung tích hữu ích thiết kế, tăng 8,54 triệu m^3 so với ngày 01/11/2017.



Hình 2: Diễn biến lượng nước xả từ hồ Thủy điện Đại Ninh từ ngày 01/11/2017 đến 25/11/2017



Hình 3: Diễn biến lượng nước xả từ hồ Thủy điện Đại Ninh từ ngày 01/11/2016 đến 25/11/2016

Lưu lượng xả của thủy điện Đại Ninh ngày 25/11/2017 đạt 33,35 m³/s, nhiều hơn so với cùng kỳ năm 2016 (25,39 m³/s), xem Hình 2 và Hình 3.

Tính đến ngày 26/11/2017, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Hàm Thuận là 497,54 triệu m³/522,5 triệu m³, đạt 95,22 % so với dung tích hữu ích thiết kế, tăng 9,87 triệu m³ so với ngày 01/11/2017.

Bảng 2: Dung tích hồ chứa thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận tính đến ngày 26/11/2017

STT	Tên các Hồ chứa	DUNG TÍCH (10 ⁶ m ³)						Tỷ lệ dung tích hiện tại
		Hiện tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích thiết kế	Hữu ích hiện tại	
1	<u>Đại Ninh</u>	308,02	319,770	549,820	68,040	251,730	239,98	95,33%
2	<u>Hàm Thuận</u>	670,27	695,230	976,650	172,730	522,500	497,54	95,22%
Tổng Cộng		978,29	981,805	1,526,470	240,770	774,230	737,52	95,26%

2. DỰ BÁO TÌNH HÌNH MƯA VÀ NGUỒN NƯỚC

2.1. Tài liệu dự báo

- Tài liệu mưa ngày, khí tượng, thủy văn của các trạm chính trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (các trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân, Cà Ná) từ năm 1978-2017;
- Tài liệu dự báo mưa, bốc hơi tại các trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết và Hàm Tân;
- Tài liệu diện tích sản xuất thực tế và kế hoạch sản xuất nông nghiệp vụ Đông Xuân 2017 – 2018 của tỉnh Bình Thuận. Lịch thời vụ các loại cây trồng;
- Quy trình vận hành và quan hệ đặc tính lòng hồ F~Z~W của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận và các hồ thủy điện Đại Ninh, Hàm Thuận – Đa Mi;

- Lượng xả dự kiến của các hồ thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi.

2.2. Công cụ dự báo

Trong dự báo này sử dụng 2 mô hình chính là : mô hình thủy văn MIKE NAM và mô hình cân bằng nước MIKE BASIN đã được hiệu chỉnh và kiểm định.

- Sử dụng mô hình NAM để tính toán dòng chảy mặt trên các lưu vực sông.
- Sử dụng mô hình MIKE BASIN để tính toán khả năng nguồn nước các lưu vực sông tỉnh Bình Thuận theo không gian và thời gian.

2.3. Dự báo tình hình khí tượng, thủy văn khu vực tỉnh Bình Thuận

a. Khí tượng:

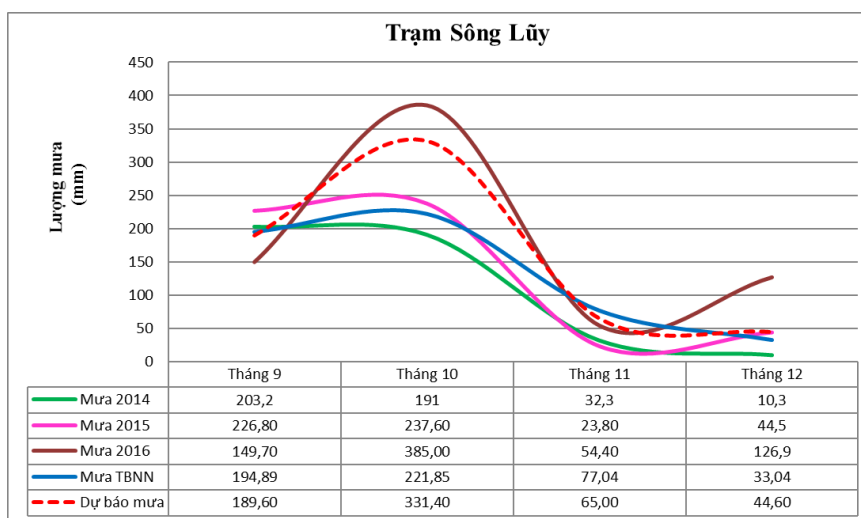
Theo Đài KTTV tỉnh Bình Thuận, mùa mưa năm 2017 ở Bình Thuận khả năng sẽ kết thúc vào khoảng đầu tháng 12/2017 (khoảng ngày 05 – 10/12), muộn đến trung tuần 12/2017. Dự báo tổng lượng mưa 3 tháng cuối năm 2017 ở các khu vực như sau (tính từ tháng 10 đến tháng 12):

- Đức Linh, Tánh Linh: 2200 - 2400mm, có nơi 400 - 500mm.
- Hàm Tân, La Gi, Hàm Thuận Nam: 300 - 400mm.
- Phan Thiết, Hàm Thuận Bắc, Bắc Bình, Tuy Phong: 200 - 300 mm.
- Đảo Phú Quý: 500 - 600mm.

Nhiệt độ: Nền nhiệt độ không khí trung bình trong 3 tháng cuối năm 2017 (từ tháng 10 đến tháng 12) ở mức xấp xỉ so với TBNN – CTK.

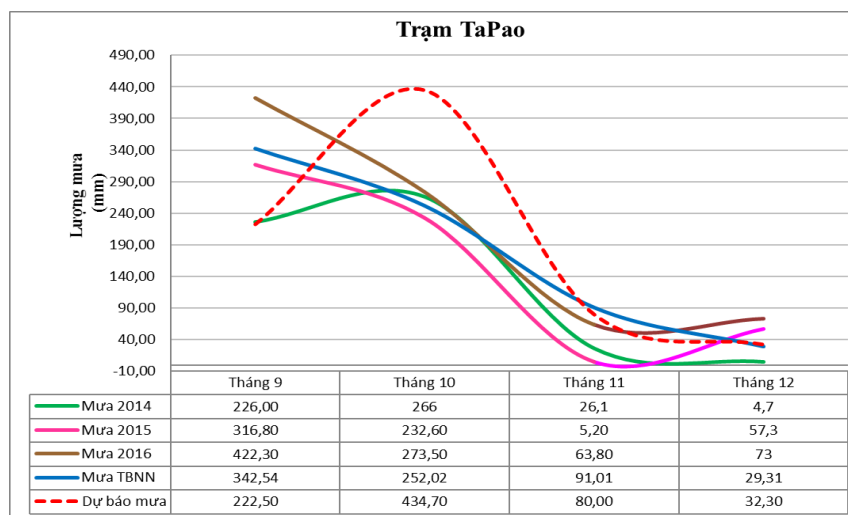
b. Thủy văn:

- Trên các sông chính: có khả năng xảy ra 2-3 trận lũ, với đỉnh lũ cao nhất đạt xấp xỉ cấp BĐ II.
- Trên các sông nhỏ: mực nước dao động nhỏ, và có khả năng xảy ra 1-2 trận lũ với đỉnh lũ cao nhất đạt cấp BĐ I-II.



Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận

Hình 4: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo mưa vụ Đông Xuân năm 2017-2018 tại trạm Sông Lũy



Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận

Hình 5: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo mưa vụ Đông Xuân năm 2017-2018 tại trạm Tà Pao

2.4. Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập thủy lợi các tháng cuối năm 2017 và đầu năm 2018 tỉnh Bình Thuận.

Bảng 3: Kết quả dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập các tháng cuối năm 2017 và đầu năm 2018 tỉnh Bình Thuận

TT	LV Sông/ Hồ	Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ/ đập vụ Đông Xuân năm 2017-2018 ($10^6 m^3$)				
		Tháng 12 ($10^6 m^3$)	Tháng 1 ($10^6 m^3$)	Tháng 2 ($10^6 m^3$)	Tháng 3 ($10^6 m^3$)	Tổng cộng ($10^6 m^3$)
1	Hồ Đá Bạc	0,249	2,100	3,348	0,804	6,500
2	Hồ Phan Dũng	3,608	8,605	7,901	3,758	23,873
3	Hồ Lòng Sông	3,774	5,702	13,312	8,580	31,368
4	Đập Sông Lũy	44,222	73,094	68,862	20,295	206,474
5	Hồ Cà Giây	1,534	13,919	17,061	13,297	45,812
6	Đập Đồng Mới, Tú Sơn,..	3,069	31,182	70,844	15,993	121,087
7	Hồ Sông Quao	2,903	36,262	32,087	13,504	84,757
8	Hồ Suối Đá	0,352	7,102	7,446	4,199	19,099
9	Hồ Sông Khán	0,015	1,192	0,509	0,207	1,923
10	Hồ Cà Giang	0,073	3,059	1,527	0,441	5,098
11	Hồ Cẩm Hang	0,109	3,732	1,875	0,570	6,286
12	Hồ Sông Móng	0,544	16,356	7,982	2,359	27,240
13	Đập Ba Bàu	1,343	13,660	8,758	3,655	27,416
14	Hồ Đu Đủ	0,091	3,084	1,821	0,544	5,541
15	Đập Sông Phan	0,653	12,779	20,275	14,774	48,482
16	Hồ Tân Lập	0,003	2,411	1,420	0,752	4,584
17	Hồ Tà Mon	0,003	2,877	4,500	1,840	9,220
18	Hồ Núi Đất	0,016	2,385	2,732	0,726	5,858
19	Hồ Sông Dinh	1,991	71,617	52,229	64,204	190,040
20	Đập Cô Kiều	0,025	2,255	2,062	0,933	5,275
21	Sông La Ngà (tới đập Tà Pao)	26,827	190,745	96,985	46,708	361,265

22	Hồ Trà Tân	1,516	7,569	6,080	2,255	17,420
Tổng cộng						1254,618

Dự kiến lượng nước xả các tháng cuối năm 2017 và đầu năm 2018 của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận - Đa Mi như sau:

Bảng 4: Dự kiến lượng nước xả của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi

Thủy điện		Tháng 12/2017	Tháng 1/2018	Tháng 2/2018	Tháng 3/2018	Tổng (10 ⁶ m ³)
Đại Ninh	Lưu lượng Q _{bq} ngày (m ³ /s)	17	26	26	25	245,03
	Thời gian CM tối thiểu (giờ)	15	16	16	16	
Hàm Thuận - Đa mi	Lưu lượng Q _{bq} ngày (m ³ /s)	27	36	37	36	354,67
	Thời gian CM tối thiểu (giờ)	14	17	17	17	

3. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Kết quả tính toán nhu cầu nước vụ Đông Xuân 2017-2018 được trình bày tại Bảng 5, kết quả cho thấy: Tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất của vụ Đông Xuân năm 2017 – 2018 tỉnh Bình Thuận là 597,49 triệu m³.

Bảng 5: Bảng tổng hợp nhu cầu nước tại đầu mỗi các công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận theo kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân năm 2017-2018

TT	LV Sông, hồ	Vụ Đông Xuân 2017- 2018								
		Kế hoạch diện tích sản xuất vụ Đông Xuân (ha)				Nhu cầu nước vụ Đông Xuân (10 ⁶ m ³)				
		Lúa	Cây màu (Ngô, đậu, mè,...)	Thanh Long	Thủy sản	Tháng 12/2017	Tháng 1/2018	Tháng 2/2018	Tháng 3/2018	Tổng
Tổng cộng		33.064,40	8.495,00	18.027,92	497,00	180,35	147,75	150,94	118,45	597,49
1	Hồ Đá Bạc	228,21	107,39	74	-	1,27	1,38	0,93	0,49	4,07
2	Hồ Phan Dũng	104,27	214,79	148	-	0,90	1,04	0,61	0,29	2,83
3	Hồ Lòng Sông	2.574,75	387,82	268	79,00	8,78	9,65	6,12	1,32	25,87
4	Đập Sông Lũy	6.850,22	713,70	679	-	24,72	21,20	23,26	19,48	88,67
5	Hồ Cà Giấy	1.514,20	961,30	915	-	6,39	6,49	6,28	4,56	23,71
6	Đập Đồng Mới, Đồng Măng, Tú Sơn...	1.102,90	670	638	-	5,78	5,88	5,60	4,39	21,65
7	Hồ Sông Quao	6.470,26	1.449,68	7.898,53	-	41,04	33,77	37,50	33,45	145,75
8	Hồ Suối Đá	238,74	102,88	560,54	-	1,58	1,00	1,16	0,56	4,30
9	Hồ Sông Khán	75,18	7,44	41	-	0,39	0,29	0,33	0,18	1,19
10	Hồ Sông Móng	0,00	13,01	188,57	-	0,07	0,07	0,07	0,19	0,40
11	Đập Ba Bàu	73,61	265,97	3.856,06	-	0,55	0,44	0,61	2,86	4,46
12	Hồ Đu Đu	9,83	72,17	1.046,30	-	0,07	0,06	0,10	0,73	0,96
13	Đập Sông Phan	-	44,19	640,70	-	0,14	0,13	0,14	0,49	0,90
14	Hồ Tân Lập	-	34,62	501,88	-	0,00	0,00	0,01	0,28	0,30
15	Hồ Tà Mon	-	10,04	145,56	-	0,00	0,00	0,00	0,08	0,09
16	Hồ Núi Đất	408	370	214	-	2,39	2,01	2,34	2,17	8,90
17	Hồ Sông Dinh	395	1.310	214	-	3,63	3,78	4,77	3,58	15,76
18	Đập Cô Kiều	38	-	-	-	0,24	0,19	0,20	0,13	0,76
19	Sông La Ngà (Tới Đập Tà Pao)	12.881,35	1.090	-	418,00	80,99	59,01	59,74	43,07	242,80
20	Hồ Trà Tân	99,79	670	-	-	1,43	1,35	1,18	0,17	4,13

4. DỰ BÁO KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VỤ ĐÔNG XUÂN 2017 – 2018 TỈNH BÌNH THUẬN

4.1. Dự báo nguồn nước trong các hồ/đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đến ngày 31/03/2018

Dự báo nguồn nước trong hệ thống các hồ đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đến ngày 31/03/2018 được trình bày tại Bảng 6, kết quả cho thấy: Dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh có xu hướng giảm, dung tích giảm xuống còn 154,23 triệu m³ (chiếm 59,46% so với dung tích thiết kế), giảm 61,84 triệu m³ so với thời điểm hiện tại (ngày 26/11/2017).

Bảng 6: Kết quả dự báo nguồn nước trong các hồ/đập công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận đến ngày 31/03/2018

TT	Hồ chứa	Cao trình mực nước bình thường (m)	Dung tích hữu ích thiết kế (10 ⁶ m ³)	Nguồn nước hiện tại 26/11/2017			Dự kiến nguồn nước đến 31/03/2018		
				Cao trình mực nước hiện tại (m)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến ngày 26/11/2017 so với thiết kế	Cao trình mực nước (m)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến 31/03/2018 so với thiết kế
1	Hồ Đá Bạc	31,01	4,478	31,32	4,934	110,18%	31,17	▼ 4,706	105,10%
2	Hồ Lòng Sông	76,95	33,696	77,42	34,813	103,31%	75,56	▼ 30,490	90,49%
3	Hồ Cà Giây	74,7	28,512	74,38	26,952	94,53%	72,30	▼ 16,814	58,97%
4	Hồ Sông Khán	106,95	1,753	106,89	1,725	98,40%	105,14	▼ 0,978	55,80%
5	Hồ Sông Quao	89	67,3	89,26	69,120	102,70%	85,42	▼ 46,858	69,63%
6	Hồ Suối Đá	47	7,858	45,78	4,369	55,60%	45,65	▼ 4,090	52,05%
7	Hồ Cẩm Hàng	25	1,167	23,30	0,343	29,39%	23,74	▲ 0,528	45,23%
8	Hồ Sông Móng	75,8	34,171	75,80	34,171	100,00%	73,46	▼ 22,875	66,94%
9	Đập Ba Bàu	42	5,974	41,95	5,838	97,72%	41,13	▼ 3,611	60,45%
10	Hồ Đu Đủ	61	3,367	60,80	3,151	93,58%	60,18	▼ 2,513	74,65%
11	Hồ Tân Lập	44	1	44,07	1,032	103,20%	42,51	▼ 0,503	50,28%
12	Hồ Tà Mon	46,5	0,607	45,91	0,493	81,22%	45,05	▼ 0,334	55,06%
13	Hồ Núi Đất	23,5	7,9	23,88	8,707	110,22%	20,86	▼ 3,321	42,04%
14	Hồ Trà Tân	95	3,485	95,04	3,604	103,41%	93,79	▼ 1,159	33,26%
15	Đập Sông Phan	70	2,85	67,51	1,841	64,60%	67,34	▼ 1,755	61,58%
16	Hồ Phan Dũng	206,4	12,441	206,76	13,357	107,36%	205,61	▼ 10,678	85,83%
17	Hồ Sông Dinh 3	45,95	42,84	40,35	1,624	3,79%	40,65	▲ 3,016	7,04%
	Tổng		259,399		216,07	83,30%		154,23	59,46%

Ghi chú: ▲ ▼ ■ Dung tích hồ tăng, giảm, giữ nguyên so với hiện tại

4.2. Dự báo khả năng cấp nước vụ Đông Xuân 2017-2018

Với kế hoạch sản xuất và dự báo nguồn nước vụ Đông Xuân đã tính ở trên, dự báo vụ sản xuất từ ngày 1/12/2017- 31/03/2018 sẽ có:

- + 16/19 hồ/đập có khả năng đảm bảo cấp nước 100% cho vụ Đông Xuân (xem Bảng 7): hồ Đá Bạc, hồ Phan Dũng, hồ Lòng Sông, hồ Cà Giây, hồ Sông Quao, hồ Suối Đá, hồ Sông Khán, hồ Sông Móng, đập Ba Bàu, hồ Đu Đủ, đập Sông Phan, hồ Tân Lập, hồ Tà Mon, hồ Núi Đất, Sông La Ngà (tới đập Tà Pao), hồ Trà Tân;

+ 2/19 hồ/đập còn lại trên địa bàn tỉnh cũng đáp ứng phần lớn diện tích tưới: Hệ thống đập Đồng Mới, Tú Sơn... (đáp ứng 87,29% nhu cầu nước nông nghiệp), hồ Sông Dinh (đáp ứng 95,67% nhu cầu nước nông nghiệp); Riêng đập Sông Lũy đáp ứng 54,36% nhu cầu nước cho sản xuất nông nghiệp.

Kết quả dự báo khả năng đáp ứng nhu cầu nước của các hồ chứa vụ Đông Xuân 2017-2018 được tổng hợp trong Bảng 7.

Bảng 7: Bảng tổng hợp dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp vụ Đông Xuân năm 2017-2018 tỉnh Bình Thuận

TT	LV Hồ, Đập	Dự báo khả năng cấp nước vụ Đông Xuân						Khả năng cấp nước tưới vụ Đông Xuân 2017-2018
		Lượng nước thiếu ($10^6 m^3$)					Tổng	
		Tháng 12/2017	Tháng 1/2018	Tháng 2/2018	Tháng 3/2018	Tổng		
1	Hồ Đá Bạc	0	0	0	0	0	100%	
2	Hồ Phan Dũng	0	0	0	0	0	100%	
3	Hồ Lòng Sông	0	0	0	0	0	100%	
4	Đập Sông Lũy	0	0	15,693	24,229	39,922	54,36%	
5	Hồ Cà Giây	0	0	0	0	0	100%	
6	Đập Đồng Mới, Tú Sơn...	0	0	0	2,828	2,828	87,29%	
7	Hồ Sông Quao	0	0	0	0	0	100%	
8	Hồ Suối Đá	0	0	0	0	0	100%	
9	Hồ Sông Khán	0	0	0	0	0	100%	
10	Hồ Sông Móng	0	0	0	0	0	100%	
11	Đập Ba Bàu	0	0	0	0	0	100%	
12	Hồ Đu Đu	0	0	0	0	0	100%	
13	Đập Sông Phan	0	0	0	0	0	100%	
14	Hồ Tân Lập	0	0	0	0	0	100%	
15	Hồ Tà Mon	0	0	0	0	0	100%	
16	Hồ Núi Đất	0	0	0	0	0	100%	
17	Hồ Sông Dinh	0	0	0	0,704	0,704	95,67%	
18	Sông La Ngà (Tới Đập Tà Pao)	0	0	0	0	0	100%	
19	Hồ Trà Tân	0	0	0	0	0	100%	
Tổng						43,454		

Kết luận - Kiến nghị:

Trên cơ sở kết quả kiểm kê nguồn nước hiện có của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận, địa phương cần: (i). Cập nhật thường xuyên tình hình KTTV, diễn biến mưa và nguồn nước các hồ để có kế hoạch chăm sóc tốt nhất cho cây trồng vụ Đông Xuân; (ii). Tiếp tục theo dõi lưu lượng nước xả của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi.

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 31/03/2018 cho thấy tổng dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh vẫn còn khoảng 154,23 triệu m^3 (chiếm 59,46% so với dung tích

